

Như Pháp Quân TRẦN NGỌC ANH

Hành Bi Nguyện



Tủ Sách Tinh Hoa Việt Nam

2006

Hành Bi Nguyện
của
Như Pháp Quân
TRẦN NGỌC ANH

Viết vào mùa Báo-ân
từ 10 đến 21 tháng Bảy năm Canh Thân
20-31 tháng 8 năm 1980

Như Mật Đệ Trần Ngọc Dụng
hiệu đính, trình bày

Duyên Khởi

Cách đây gần một năm, tôi có làm một bài thơ ngắn. Nó tóm lược được hầu hết các tri kiến của tôi sau 11 năm tu tập. Tôi muốn đem trình nó cho một vị chân tu có cao kiến hơn tôi để nhờ Người phê phán: tôi mang cái ước-vọng ấy qua một thời gian.

Một hôm nằm chiêm bao, tôi thấy mình được đến hầu một vị đại Bồ-tát: tôi mừng rỡ, liền dâng bài thơ kia cho Ngài xem. Xem xong, Ngài dạy: ông ở trong cảnh-giới này, hay ở trong cảnh-giới khác, ở đâu cũng quý cả. Quý là quý cái tâm của ông, chứ ở đời này, có gì là quý đâu!”

Giật mình tỉnh dậy, nhớ lại bài thơ và cảnh trong chiêm bao, tôi nghĩ: “Bài thơ này, chỗ đáng quý của nó là ở ba chữ “Hành-Bi-Nguyện”. Đó là ĐIỀU DỤNG của giáo lý nhà Phật. Ta kính *Như-vương* cũng là kính cái *điều dụng* ấy nơi hoá thân của chư vị. Vậy, ta nên viết ra toàn bộ nội-dung của nó cho nhiều người xem, chắc hẳn là có lợi lạc nhiều.”

Thế rồi tôi bắt đầu viết.

Trong lúc viết, có khi tôi nghĩ, *mình làm công việc này giống hệt như con tằm rút ruột nhả tơ, làm kén, để tự mình vào đó ‘hoá thân’ rồi cắn kén thoát ra, để lại cái vỏ kén cho đời kéo dũi, kéo tơ, dệt lụa dệt thao mà may áo mặc.*

Nhưng lạ thay, khi viết xong, tôi lại có cảm tưởng như mình vừa tỉnh một cơn mộng.

Vậy, toàn bộ tập sách nhỏ này, nên coi như TRI KIẾN CỦA NGƯỜI TRONG MỘT GHI LẠI CHO NGƯỜI TRONG MỘNG XEM. Thế thôi. Rất mong ai có duyên được đọc nó, xin nghĩ như thế.

Còn việc xem nó có như những lời trong mộng hay khkhông, cái đó còn tùy ở mỗi người, chứ chắc hẳn là không phải do nó quyết định.

Nam mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát!

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát!

Ngày 31 tháng Tám năm 1980
(21 tháng 7 Canh Thân)

Hành Bi Nguyện

*Tướng Có, tánh Không, dụng diệu thường.
Biết Không, vâng Có, kính Như-vương.
Vào Tâm, ra Cảnh, hành Bi-nguyện,
Trọn Đạo cho Đời mãi hướng Dương.*

Ngày 6 tháng Chín năm 1979
(tức rằm tháng Bảy năm Kỷ Mùi)

1

TƯỚNG CỐ

A. Hình, Chất, Vật, Đại, Ý thức và Hai Cháp

Chữ Nho có câu “vạn vật nhất thể” nghĩa là muôn vật chỉ có một thể đồng nhất, không riêng khác. Ta biết vạn vật như thế nào dưới cái nhìn phân tích và tổng hợp của chúng ta?

1. Hình học xác định

Điểm không có bề mặt. Điểm chuyển động thành đường, như sợi tơ mảnh, cũng không có diện tích. Đường cong hay gấp khúc, chạy giáp mí, tạo thành hình.

Hình không có chất là hình rỗng không, trên bình diện hay không trong không gian cũng vậy.

2. Các chất

Chất rắn, chất lỏng, chất hơi, hơi nóng là bốn chất ta có thể nhìn thấy, sờ mó hay cảm nhận được. Bốn chất này chia làm hai loại: chất đơn và chất hợp (hỗn hợp và hoá hợp). Nhưng dù đơn hay hợp, chất nào cũng gồm nhiều phần nhỏ hợp lại. Phần nhỏ nhất mà người ta biết đến trong hiện tại là điện tử, dương tử, và trung hoà tử trong một nguyên tử.

Nhiều nguyên tử hợp lại thành vật, chất. Vật lớn như mặt trời trong thái dương hệ, nằm trong các ngân hà vòng quanh vũ trụ. Vật nhỏ nhưng những con siêu vi khuẩn mà kính hiển vi điện tử cực mạnh chưa xác định được một cách rõ ràng.

3. Cái nhìn tổng quát về sự vật

Nhìn sự vật dưới một tầm mắt tổng quát hơn, nhà Phật gọi các chất là ĐẠI. Đại có nghĩa là những yếu tố mà trong vũ trụ bao la rộng lớn nơi nào cũng có. Chữ Nho gọi là “chu biến” khắp vũ trụ. Kinh Lăng Nghiêm cho biết: có cả thấy là bẩy đại: *địa* ‘đất’, *thủy* ‘nước’, *phong* ‘gió’, *hoả* ‘lửa’, *không* ‘hư không’, *kiến* ‘cái thấy’, *thức* ‘cái biết phân biệt’.

Với bẩy đại này, ta có thể chia làm hai loại:

- Đất, nước, gió lửa gọi là TƯ đại, có thể dùng giác quan để biết được: chúng thuộc về vật chất.
- Không, kiến, thức là BA đại, chỉ có thể dùng trí mới biết được: chúng thuộc về tinh thần.

4. Trần đối với Căn

Hình, chất và muôn vật được các giác quan thu nhận thành ảnh tượng. Muôn vật và loài người đụng chạm, giao tiếp nhau, gây nên âm thanh. Ánh sáng, bóng tối và các chất ảnh hưởng nhau tạo ra màu sắc. Các chất chạm với mũi, lưỡi, sinh ra mùi, vị; chạm với da thịt gây thành cảm xúc. Tất cả những hình thái này được gọi chung là TRẦN. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta thường tiếp xúc với năm trần.

Năm trần ấy là: *sắc* ‘ảnh tượng và màu sắc’, *thanh, hương* ‘mùi’, *vị, xúc*, được năm CĂN ‘mắt, tai mũi, lưỡi, thân’ tiếp nhận, tạo ra NĂM THỨC, tức là năm cách biết khác nhau về một sự vật. Trong năm cách biết ấy, có hai cái quan trọng:

- Một là biết tên gọi, chữ Nho gọi là DANH.
- Hai là biết ảnh và màu, chữ Nho gọi là SẮC.

Danh và sắc là hai phần của một ý kiến. Ý kiến quên đi, được gọi lại trong trí nhớ thì gọi là Ý NIỆM. Ý kiến, ý niệm và các ảnh tượng là pháp trần của ý thức.

Ý thức là cách biết thứ sáu của Ý CĂN.

Ý căn còn được gọi là *mạt-na* thức, tức thức thứ bảy. Thức này nhận các ảnh tượng cũ, và các ý niệm chứa nhóm trong thức thứ tám, là tàng thức, hay a-lai-da thức, để lấy đó làm tự tướng, rồi quay lại nhìn tự tướng ấy mà vọng xứng là “ta” nhìn, mà thành ra có ngã chấp.

Đã có ngã chấp rồi thì tất cả những gì mà cái “ngã” ấy thấy biết được đều gọi là pháp: bám víu vào các pháp ấy, cho chúng là thật có thì gọi là CHẤP PHÁP.

5. Hai điều trói buộc

Chấp ngã, chấp pháp là hai điều trói buộc con người trong sự lầm mê. Phá bỏ được hai cái chấp ấy là được giải thoát.

Đó là tóm lược các tướng có của thế gian.

B. Có không, không có.

Tất cả các điều nói trên là các tướng **CÓ** do mọi người ghi nhận được. Nhưng các điều ấy có thực có chăng?

Ta hãy xem các thí dụ sau đây để xét lại.

1. Về người

Giả dụ có người sống được 100 tuổi, và đặc biệt là người ấy được chụp mỗi năm một bức hình. Nay ta đem 100 bức hình đó sắp theo thứ tự từng tuổi và thử so sánh để tìm ra chỗ giống nhau và chỗ khác nhau. Nếu thấy khó tìm, ta hãy so sánh hai bức cách nhau mỗi năm năm. Ta sẽ thấy người ấy thay đổi hình dạng và tự hỏi: hình nào là hình cố hữu bất biến của người ấy?

Như vậy, có nhiều hình khác nhau tức là **không** có hình nào duy nhất chung cho tất cả!

2. Về nhà cửa

Nếu thu thập cho được 100 hình thức mà con người dùng làm “nhà” để ở thì kết quả có thể là: một túp lều tranh, một cái chòi, một ngôi nhà ngói, một vỉa hè, một nhà sàn, một nhà rường,

một ngôi nhà lầu, một toà nhà chọc trời, một mái nhà tranh, một hốc đá, một lều chợ, và thậm chí một cái hang bằng tuyết. Vậy, cái nào là ngôi nhà chung cho tất cả? Cái chung đó là có nhiều hình dạng khác nhau. Nói cách khác, nhiều hình dạng khác nhau tức là **không** có hình nào chung cả.

3. Về một hình ảnh

Nhờ nhiều người xem một quang cảnh rồi sau đó vẽ lại cái quang cảnh đó. Kết quả: bức tranh nào giống bức tranh nào, mà mỗi bức đều có một vẻ riêng, nét riêng, không giống với cái quang cảnh mà họ đã xem trước đó.

Nói rõ hơn nhiều cảnh riêng thì không thể có cảnh chung mà mọi người cảm nhận được.

4. Về niệm

Hỏi một người ngồi niệm Phật, niệm từ lần thứ nhất đến lần thứ 108. Trong lúc niệm đó, trong tâm thức người ngồi có bao nhiêu niệm? Hay chỉ có một niệm? Đa số trả lời rằng, một niệm trong nhiều niệm. Vì sao? Vì các niệm khác đã qua; các niệm sau chưa tới. Hiện tại (ngay lúc đang ngồi chú ý đến tâm niệm mình), người đó chỉ có một niệm đi qua, nghĩa là: ý niệm ấy cũng không trụ trong dòng ý thức đang trôi chảy.

Có nhiều niệm liên tục tức không có niệm nào trụ trong ý thức. Các niệm đã qua chỉ là những bóng ma tan biến trong hư không.

5. Về bọt nước

Một công chúa nọ còn nhỏ tuổi, đứng trong hiên lầu ngự cung, nhìn mưa rơi. Công chúa thấy nhiều bọt nước đẹp hiện ra nơi máng xối đổ xuống rồi trôi đi. Thấy bọt nước đẹp quá, công chúa muốn khâu chúng lại thành chuỗi để đeo như khâu chuỗi ngọc. Cô ta bèn thưa với vua cha, xin cho được toại nguyện. Vua cha từ chối vì biết không thể được, nhưng cô bé cứ năn nỉ mãi, khiến vua cha phải truyền nội thị đi lấy bọt nước về khâu thành chuỗi cho công chúa đeo. Ai nghe nấy đều le lưỡi, lắc đầu, cam chịu tội chứ không thể làm được. Vua bèn nổi giận, quát tháo ...

Một vị quan cận thần nghe được tin này vội vã xin vào hầu vua và tâu rằng: “Hạ thần xin tuân lệnh đi làm việc ấy, nhưng xin cho công chúa cùng theo.” Vua bằng lòng. Quan cận thần cầm một sợi tơ điều mong manh dẫn công chúa kia đến chỗ có bọt nước hiện. Ông nói với công chúa: “Công chúa hãy đi vớt những bọt nước kia, đem lại chỗ tôi đứng đây, tôi sẽ khâu lại thành chuỗi cho công chúa đeo.” Công chúa hí hửng đi vớt bọt nước.

Cố nhiên, công chúa không thể vớt được một bọt nào. Vì vừa động đến bọt nước đã tan ngay. Cô đành vỡ lẽ, nói với vị quan ấy rằng: “Thôi, đi về. Đừng khâu bọt nước nữa. Không được đâu.”

Vua biết rõ sự việc, cười xoà vui vẻ và khen vị quan nọ có tài ứng phó khôn khéo.

Ngụ ý câu chuyện dạy rằng: Ai cũng có những mơ ước tốt đẹp. Nhưng khi va chạm với thực tại biến động, tự mình mới vỡ mộng ra và xoá bỏ những ước mơ hão huyền đó.

Tóm lại, qua năm thí dụ trên, ta thấy rằng:

- Của riêng mình, không có một hình bóng nào duy nhất.

- Cửa chung để cho tất cả có thể thừa nhận được thì chỉ là một giả danh, một quan niệm. Nếu biểu thị bằng hình tướng chúng thì đó chỉ là một “thực tại” không có. (Hình tướng nào càng có nhiều chi tiết thì càng xa thực tại.)
- Đứng trước một cảnh chung, ai cũng thấy riêng, xem như cảnh chung không có.
- Các ý niệm đi qua tâm thức đều không trụ. Các niệm đều là những bóng ma thoát hiện, thoát biến, tùy ngoại cảnh đổi thay.
- Cái thực tại thấy sờ sờ trước mắt, thế mà muốn bắt lấy thì không nắm được.

C. Vì sao Có lại là Không?

Vì sao các tướng **có** lại là cái **không** và khi ta cố nắm lấy thì không nắm được?

Trước khi trả lời câu hỏi này, ta hãy xem các tiểu cảnh dưới đây:

1. Tiểu cảnh về sắc

Khi vừa tròn đôi mươi, chàng đi chơi và tình cờ gặp nàng. Trước sắc đẹp lộng lẫy, bất gặp bất ngờ, chàng sững sờ nhìn không nháy mắt. Nhưng tự biết mình thân phận nghèo hèn, thua sút, trong tâm thức chàng bỗng nhớ đến hai câu Kiều, phóng ra một ước vọng xa xôi:

*Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?*

Rồi đường ai nấy đi, chàng về buồn bã: hình ảnh nàng không thể nào phai nhạt trong tâm trí chàng. Nhưng theo đuổi nàng, tìm cách gặp lại nàng, chàng cảm thấy không thể được. Vậy là chàng đành kéo dài cái buồn nhớ nhưng trong một thời gian khá lâu.

Sau mười năm cố gắng làm ăn cần kiệm, chàng trở nên giàu có. Một hôm, chàng lại rong chơi và tình cờ gặp lại một cô gái trạc độ 28 cái xuân. Nhìn kỹ, chàng thấy quen mặt, và suy nghĩ một hồi lâu mới sực nhớ là người ấy là “cô nàng” ngày xưa chàng từng thầm thương trộm nhớ. Nhưng lạ thay, hai hình ảnh giống nhau thì ít mà khác nhau lại quá nhiều. Chàng không thấy một mảy may rung động trước “con người mới” nữa.

Thế là: nơi tâm thức, chàng còn ôm giữ một hình bóng cố định, trong lúc ngoài thực tại, cái hình bóng kia đã thay đổi với thời gian. Vậy nên, tâm thức chàng không “trụ” vào hình tướng trước mắt. Nó chẳng gây nên một biến động nào xui chàng muốn theo đuổi nữa.

2. Tiểu cảnh về vị

Người cháu đang ăn bánh trung thu, hỏi cô mình đang ăn bánh khoai: “Cô ăn bánh khoai có ngon không?”

Cô đáp: “Ngon.”

Cháu hỏi tiếp: “Ngon ra sao cô?”

Người cô ngẫm nghĩ một giây lát rồi nói: “Cô chịu, cô không thể diễn tả được cái ngon ấy cho cháu biết được. Muốn biết nó “ngon” ra sao, cháu cứ ăn thử một miếng là biết ngay.

Miệng đứa cháu còn phảng phất hương vị thơm tho của bánh trung thu. Nghe cô bảo ăn thử một miếng bánh khoai, nó bèn chạy lại bàn và bẻ miếng bánh khoai bỏ vào miệng ăn. Vừa nhai được vài cái rồi chắp chắp miệng, đứa bé lắc đầu nói: “Thưa cô, chẳng ngon như cô nói

chút nào. Nó thua bánh trung thu con đang ăn nhiều lắm!” Tại sao cũng là một loại bánh mà kẻ nói ngon, người nói dở? “Ngon” là khi bụng đói và chỉ có một thứ có thể ăn được để ăn thôi. Và “dở” khi bụng đã no, lại có đến hai ba thứ để lựa chọn, so sánh.

Vậy tức là không có cái “ngon” tuyệt đối, mà chỉ có cái “ngon” tương đối với từng người.

3. Về hồi ức

Ngày xưa, một hôm thầy tôi hỏi tôi: “Ông nếm chanh, ông thấy chua. Cái chua ấy là tại lưỡi hay tại chanh?”

Tôi đáp: Thưa thầy, cái vị chua ấy là một giả hợp. Nó không phải tự lưỡi mà cũng không phải tại chanh. Nếu có chanh mà không có lưỡi, hay có lưỡi mà không chanh thì không có cái “biết chua”. Phải có chanh và lưỡi hợp lại thì cái “biết chua” mới hiện ra.

Thầy tôi lại hỏi: “Thế tại sao khi vừa thấy chanh, có người đã chảy nước miếng? Ông có như vậy không?” Tôi trả lời: “Thưa thầy, con cũng như mọi người, đã từng ăn chanh trong quá khứ và đã từng biết vị chua hiện ra trên lưỡi khi nếm vào chanh. Nay thấy chanh, cái “ý niệm” chua còn đó. Nó là một loại tưởng khiến cho tâm thức nhớ lại, nên nước miếng tiết ra.”

“Đúng vậy,” thầy tôi dạy thế. Và tôi nghĩ “ai cũng nhìn sự vật khách quan với một số tâm thức còn tiềm ẩn trong chiều sâu của ý thức (trong tàng thức). Khi gặp điều kiện thuận lợi (nội hay ngoại duyên), chúng lại hiện ra trong ý thức, khiến cho sự vật khách quan bị thêm bớt, làm méo mó đi. Hiện tượng này chẳng khác gì người mang gương xanh thấy cảnh vật màu xanh, người mang gương vàng thấy cảnh vật màu vàng.

Thế là: “các vị” – chua, ngọt cũng như các trần khác là: sắc, thanh, hương, vị, xúc – đều là những giả hợp, vô thường, không có tự tướng nhất định: các tướng **có** do ta thừa nhận đều là những quan niệm chủ quan, không thực có trong thực tại.

Tóm lại, qua ba tiểu cảnh trên, ta thấy:

- Các tướng **có** đều là những huyễn tướng do thức tâm đã nắm giữ (chấp thủ), trong lúc tự tánh của nó (tức thức tâm) là hằng trôi chảy, không trụ ở một pháp nào (vô ngã). Khi nó trụ ở một pháp nào là nó đã “đính mắc” với pháp đó, đã “chấp” pháp đó.
- Các khách-trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đều là những bóng ma không có thực tướng nào nhất định; chúng lại luôn luôn đối đãi với nhau (cũng ngon, cũng dở) và chỉ hiện có tương đối với từng người nhận biết.
- Các tâm niệm đều là giả hợp, vô thường, chúng còn trôi mãi trong chiều sâu của tâm thức (trong tàng thức), và chúng biến, hiện tùy duyên, khiến cho người mê mờ, không nhận biết được đúng đắn, thực tại khách quan.

Tổng hợp lại, ta thấy: các tướng **có** đều không:

- **không**, vì thay đổi mãi, không thường;
- **không**, vì tương đối, không nhất định;
- **không**, vì giả hợp, không có tự thể riêng;
- **không**, vì thấy qua một ý niệm cũ, không thực.

Vì không thường còn, không có tự thể riêng, không nhất định, lại được thấy qua một ý niệm cũ, nên các tướng **có** đều không thực (đối với ta): cái thực là cái phi tướng, tức cái không tướng tại nơi giả tướng. Đó là chơn tánh của các tướng **có** vậy.

“*Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như-lai*” (Nếu thấy các tướng đều chẳng phải tướng tức thấy Phật) Kinh Kim Cang.

* * *

↳ **Động không thấy** →
↳ Thức tâm

Không trụ trên hiện tướng biến chuyển vô thường định, nên về sau biến dạng. Khi ta nắm giữ nó, nó đã Thực tại tương đối, thay đổi, là tuyệt đối, nó không có tự tướng cố định. Nó chỉ giống như những bóng ma,

↳ **Động** (tức là mê muội¹)
↳ Thực tại giả hợp

Lại hay nắm giữa các hình bóng cũ (chấp) hoặc dự kiến những hình bóng tùy duyên bất **có** là tạm có, rồi **không**. Các hình tướng thuộc quá khứ, hay tương lai đều là những huyền tướng không thực: chúng như cảnh trong **mơ** như cảnh trong **mộng**.

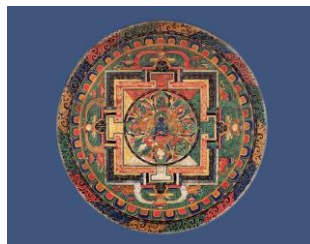
Đạo Phật giải quyết giấc **mơ** ngàn đời của chúng sanh. Làm được vậy gọi là cứu khổ, là độ thoát chúng sanh mê lầm.

* * *

*Động vẽ nên hình mãi biến thiên,
Động sanh hành, thức, tướng, triền miên.
Động không thấy động thành mê muội,
Động phá thanh bình, khiến đảo điên.*

Ngày 4 tháng 3 năm 1980 (10.01. Canh Thân)

Hai câu cuối đã có trong chú thích số 1.



Aksobhya mandala

¹ Động không thấy động, thành mê muội.
Động phá thanh bình, khiến đảo điên.



TÁNH KHÔNG²

A. Không Tất Cả là Có Tất Cả

Để hiểu rõ tánh không của mọi hiện hữu – cụ thể hay trừu tượng – trên thế gian này, mời quý vị cùng xem xét các dụ dưới đây.

1. Dụ một

Tôi để cây bút chì, rồi đi ra ngoài. Lúc trở vào thấy mất cây bút chì. Tôi nói: “Không có cây bút chì trên bàn nữa rồi!”

Vậy “không” ở đây là có cây bút chì hay không thấy nó tại chỗ nó đã hiện hữu?

2. Dụ hai

Đào một thước khối đất thì thấy hư không sâu xuống 1 thước trong lòng đất. Đào xuống 5 thước thì hư không sâu xuống năm thước. Hư không ở đâu hiện ra? Ta quan sát kỹ cũng chẳng thấy có hư không tràn vào!

Vậy hư không ở đâu, nếu chẳng phải là ở ngay tại nơi có vật choán chỗ.

Từ hai dụ trên suy ra, ta biết: “có hư không ngay tại nơi có muôn vật choán chỗ”. Vì rằng, ngay tại nơi có mỗi vật, nếu chỗ đó chẳng phải là hư không thì làm sao vật kia ở vào chỗ đó được mà không bị chướng ngại?

Vả lại, vật kia, như trước đây đã chứng minh, là một giả hợp, biến chuyển vô thường không có tự tướng nhất định, cho nên không thực có. Cái thực có, thường còn, chính là tánh không ở trong nơi hiện vậy. Thế là: tánh **không** ở ngay nơi muôn vật. Cái tánh không ấy là thực tướng của muôn loài. Nó chứa (dung) muôn loài, xuyên qua (thông) muôn loài, tràn đầy cùng khắp 10 phương và bao gồm vạn loại.

Ở đâu còn có hình tướng của vạn vật, kể cả tinh tú, ngân hà, thì ở đó còn có hư không dung thông tất cả. Không có vật gì, dù lớn đến bao nhiêu, mà không có hư không bao bọc; không có loài nào, dù nhỏ đến đâu như siêu vi trùng, mà chẳng bị hư không thông qua. Thật đúng như câu nói của Nguyễn Công Trứ: “Nhỏ không trong, mà lớn cũng không ngoài.”

B. Cái Nhìn Thông Suốt

Có cái nhìn thông suốt mới thấy tánh **không** tại mỗi vật và ở khắp nơi. Hư không có hình tướng, không có giới hạn. Nó bất động, thường còn, trong sáng, rỗng rang, vắng lặng. Ta biết và xác nhận có

² Chỉ tánh không thể dứt **mơ**.

nó là nhờ cái trí không bám víu vào hình tướng.

Ngày nay khoa học đã tạo được chân không (le vide) trong ống thủy tinh dài đựng đầy thủy ngân, rồi chúc đầu ống vào một chậu thủy tinh cũng đựng thủy ngân. Làm vậy thì không khí không thể tràn vào đáy ống thủy tinh, chỗ mà thủy ngân đã trụt xuống để chân không hiện ra.

Khoa học còn cho biết: trong chân không, các vật dù lớn hay nhỏ đều rơi với một tốc độ như nhau.

Nhưng đó chỉ là hiện tượng tạm thời. Trong những điều kiện bình thường của thiên nhiên bày sẵn, hư không ẩn tàng nơi muôn vật, không dễ gì mà chỉ nó cho một người thường, hay dính mắc vào hình tướng, thâm hiểu được nó một cách thông suốt.

Vả lại, cái chân không mà khoa học thực hiện được chỉ là cái hư không giả tạm, hữu hạn. Nó không ở trong các điều kiện như nhiên sẵn có.

C. Thực tánh của hư không

Cái hư không như nhiên không làm cho các pháp biến động bị ngăn ngại.

Thực tánh của hư không là không dính mắc với các pháp biến động:

Về mục này, tôi xin kể một mẩu chuyện nhỏ.

Một hôm cầm dao bổ đôi một chiếc bánh của người ta biếu, tôi thấy trong ruột bánh có một phần màu trắng: tôi lầm tưởng bánh có nhân dừa. Không ngờ khi ném thử thì biết ra bánh còn sống ở phần trong ruột. Tôi phải lấy hết nhân ra, chiên lên để khi ăn thấy ngon như phần bánh đã chín.

... Tôi không cho đó là một chuyện ngẫu nhiên, mà nghĩ rằng: đây là một bài học, cần phải suy nghĩ để thấu hiểu một cách thâm sâu.

Tôi nghĩ: phần bánh sống thì cũng có bột, có đường, như phần bánh chín. Nhưng ta ăn không được là nó thiếu một yếu tố gì đó. Thiếu yếu tố gì?

Thiếu nhiệt độ. Thêm nhiệt vào, bánh sẽ chín như phần kia.

Nhiệt độ là một pháp vô hình. Pháp vô hình thật khó thấy, phải lấy lý trí, sự thông minh mà hiểu.

Thêm nhiệt độ, coi như thật sự chẳng thêm gì, vì khi để nguội thì nhiệt độ sẽ giảm xuống, mà hình thái và tính chất của phần bánh sống đã biến đổi. Sự biến đổi này thật là lạ lùng. Đường, bột vẫn nằm yên tại chỗ, chỉ có nhiệt độ vào, ra, mà đường và bột đã biến tính, hay chính xác hơn là: chỉ có bột biến tính, còn đường thì vẫn ngọt như trước.

Vậy cái gì đã động, biến? Cái gì đã tịnh, biến? Và cái gì đã không biến động chút nào?

- Động, biến là nhiệt độ đã vào, ra;
- Tịnh, biến là bột nằm yên trong bánh;
- Không biến động một mảy may mào là bản thể hư không của chiếc bánh.

Nghĩ đến đây, tôi bỗng nhớ đến câu: “Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như-lai” (không từ đâu đến, không đi về đâu, nên gọi là Như-lai), và câu: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, thức kiến Như-lai” (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức thấy Như-lai).

Vậy thì Như-lai là tính hư không, tịch diệt, bất động, bất biến ở nơi mỗi pháp. Tính ấy không dính mắc với các pháp và không làm ngăn ngại các pháp biến động.

D. Không Ta, không Pháp

1. Không Ta

Mọi người đều xưng ta. Nhưng ta là gì? Mọi người phàm đều chẳng có ta, vì ta là chủ thể của muôn loài. Chủ là người cầm quyền, như vua trong một nước. Tể là quan tể tướng, có quyền xử đoán mọi việc. Người phàm lấy gì làm ta? Và họ đã thật sự có quyền làm chủ thể chưa?

a. Lấy Thân làm Ta chẳng? Sau một thời gian (bao lâu?) thì toàn bộ huyết cầu đổi mới, và sau bảy năm thì toàn bộ thân thể đổi mới một lần. Lấy thân làm ta thì cái ta này biến động vô thường, lấy gì làm căn cốt để quyết định? Và lại nó không làm được nó, khi đói, đau, buồn, khổ xảy đến. Và nhất là khi hơi thở dứt, nhiệt độ thoát ra ngoài thân, thì ta là một đồng xương thịt lạnh ngắt, sắp tan vỡ, hôi thúi; có gì đáng ưa chuộng đâu?

b. Lấy Tâm thức làm ta chẳng: “Ý dĩ tư, tưởng sanh” (Phật Ca Diếp) nghĩa là: lấy sự suy nghĩ, tưởng tượng mà sanh ý. Nhưng sự suy nghĩ thì luôn luôn động, biến và tưởng tượng thì dựa và những hình ảnh hư ảo. Vậy, lấy ý trong tâm thức làm căn cứ để xưng ta thì cái ta ấy cũng là cái ta không trụ, và cũng không đứng trên một cơ sở vững chắc.

c. Lấy niệm làm những ý do tâm thức gợi là để xưng ta, thì cái ta ấy lại càng vô thường, hư huyền, vì niệm là những bóng ma, thoát hiện, thoát biến tùy theo duyên ngoại cảnh chi phối.

Vậy người nào cũng lấy thân, hay lấy tâm thức làm ta thì cái ta ấy là cái ta “bị sống” do các điều kiện (duyên) bên trong và bên ngoài thân lõi cuốn đi, nhào lộn như một chiếc chong chóng trước gió bốn phương, làm sao có thể làm chủ thể được đối với chính bản thân và ngoại cảnh mà xưng ta cho phải?

2. Không pháp

a. Các pháp đều không. Vì sao? Như ta đã biết (trong chương 1) các pháp tướng như: sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp trần của ý căn (toàn bộ căn thân, thế giới và ý niệm) đều là những tướng giả hợp, vô thường, biến hiện tùy duyên, tạm có rồi không. Ta không nắm giữ được, hay tưởng là nắm giữ được chỉ vì đã cố chấp những bóng chết còn lưu lại trong tàng thức.

b. Như hòn núi cao, đứng sừng sững trước mắt ta, nó có tạm đó rồi không chẳng? Ta có nắm giữ được nó chẳng?

Chữ tạm là tạm thời, tức là chỉ hiện hữu trong một thời gian tương đối ngắn: đối với bọt nước thì một phút là dài, đối với ta là ngắn. Còn đối với núi thì thì 1000 năm là ngắn. So với một trung kiếp “thành” hay “hoại” là 20x17 triệu năm. Ta không nắm giữ được bọt nước đã đành, mà đối với hòn núi, ta cũng không nắm giữ được nó trong tầm sống của ta nữa.

Vì tuổi thọ của ta không bằng 10/10 tuổi thọ của núi. Chiều cao hay sức nặng của ta không bằng 1/100 hay 1000 của núi. Và lại “nước chảy đá mòn” nó đang bị hủy hoại từng giây từng phút mà ta cứ tưởng nó “trường tồn”. Nó đang nứt rạn hay nghiêng đổ mà nào ta có hay! Các hiện tượng đổ vỡ ấy chỉ có thể xảy ra, sau khi ta tắt thở.

Hơn nữa, khi không có ta (hay loài người) nhận biết sự hiện hữu của nó, thì nó là gì đối với vũ trụ vô tư?

*Có đây có đó có muôn loài,
Đây chẳng còn đây, đó chẳng ai!*

Sự hiện hữu tương đối của nó không phải là sự hiện hữu của tự tánh nó.

Tự tánh của nó, của ta, cũng như của vạn pháp, hữu tình hay vô tình vẫn là cái thể hư không, thường còn bất động, đồng nhất của chơn như tạng, bình đẳng khắp pháp giới.

E. Hai cái Không

Có hai cái không: cái không tịch diệt của người nhập đại định và cái không điều phục của người nhận như lai thiền.

1. Nhập đại định

Nhập đại định là nhập diệt thọ tưởng định, nghĩa là khi vào định này thì bất tư, dứt tưởng và các căn bị khóa kín, không còn một pháp động nào ở ngoài có thể nhập vào, không một ý niệm nào khởi lên nữa.

Khi nhập đại định thì hơi thở không còn³ và cái biết của ý thức cũng không còn. Ngày xưa, có những vị khi nhập đại định thì dù có 1000 cỗ xe rầm rộ đi ngang vị ấy vẫn sống còn trong một trạng thái lâng lâng, nhẹ nhàng, như mây, như khói.

Đó là tình trạng của những vị nhập vào cái không tịch diệt.

Theo kinh Lăng Nghiêm chỉ dạy, thì “tri kiến vô kiến, tự tức Niết bàn, vô lậu chơn tịnh” (Không thấy mọi điều thấy biết, thì đó là niết bàn, cái tịnh chơn thật không bị ô nhiễm).

2. Nhập như lai thiền

Nhập như lai thiền là nhập vào cảnh giới định của chư Phật. Chỉ vị nào là Phật mới thấy biết cảnh giới này. Riêng chúng ta là những người còn phàm, chúng ta chỉ hiểu trạng thái này qua hình tượng Phật ngồi kiết già qua kinh sách mà thôi.

Hình tượng Phật ngồi, người ta thường tạc để thờ, cho ta thấy: ngài mỉm cười, đôi mắt lim dim nhìn xuống, vẻ mặt biểu lộ một sự an lạc tuyệt đối.

Theo kinh sách thì các bậc như-lai đã nhập vào tánh viên giác, mà tánh viên giác gì như kinh Viên Giác đã dạy, chúng tôi xin tóm lược một đoạn như sau:

*Tánh viên giác không còn thấy biết
Như hư không tịch diệt chẳng xao.
Phàm phu biết “tĩnh” khó vào
Tam hiền biết “tĩnh” làm sao nhập nào?
Đến thường tĩnh mà không trụ giác
Mới thực là Bồ-tát tiến lên
Sở, năng, vắng bật đôi bên
Như con mắt thấy, thường nhìn chẳng suy.*

Biết “tĩnh” hay biết “tĩnh” là cũng còn bị cái “biết” ngăn ngại, không cho nhập viên giác.

³ Kinh Duy Ma Cật, phẩm thứ bảy Quán Chúng Sanh

Chữ “tĩnh” là phản nghĩa với “mê” và là thực nghĩa của chữ “giác”. Theo cổ nhân, “giác” là “vô tri giác minh” tức là: không biết mà tĩnh sáng. “Giác” là chỗ tận cùng của cái “biết mà không biết”. Nó giống như trạng thái của một người tử phú về hưu ngồi tại nhà mình: không suy nghĩ, không nói năng gì mà chỉ ngồi yên, nhàn lạc, thanh tịnh.

Ông ta không mản nghĩ đến việc đời, không còn nghĩ đến mưu kế kinh doanh và tạo thêm của cải nữa. Nhưng nếu có ai hỏi đến kho tàng, tài sản để đâu thì ông biết ngay, nắm rất vững từ vị trí, số lượng để tình trạng của các tài sản này ra sao ngay.

Như vậy, nhập như lai thiên có thể là không cần ngồi kiết già, tĩnh tọa mà đi, đứng, nằm ngồi gì cũng để tâm hồn ở trạng thái hư vô, rỗng rang, vắng lặng, không vướng bận vào một hình bóng nào, không khởi lên một ý niệm gì ... Trạng thái này còn được gọi là sự ĐIỀU PHỤC, vì không còn tâm niệm gì cần phải “chữa trị” (điều) hay “chế ngự” (phục) nữa. Qua hai câu thơ sau đây của bậc giác:

*Sống vô tư, sống sạch trong
Sống đời chẳng gợn mảy may lòng.*

Ta có thể qua niệm được tâm hồn của bậc giác: hằng ngày thường phẳng lặng như nước hồ thu, chẳng có một mảy may gợn sóng lo nghĩ, hay suy ngẫm gì về việc đời.

Thật là thanh thoát, an lạc tuyệt đối!

Tóm lại, nhập vào tự tánh không là không tịch diệt và không điều phục thì hết khổ, hết mơ, được “giải thoát” và “giải thoát tri kiến”.

Biết, thấy, dùng là ba giai đoạn trên hành trình chân lý: muốn biết phải học hỏi, suy tư; muốn **thấy** phải tu tập để thâm nhập; có **biết, thấy** rồi mới **dùng** được chân lý để độ sinh.

*“Bỏ động, ngừng theo, sống tĩnh, yên.
Không tâm dung dị đến vô biên.
Soi chung, hết thấy, không điều phục
Vạn pháp luân hành, tánh mặc nhiên.*



Nirvana



DỤNG DIỆU THƯỜNG⁴

Cái **có**, cái **không** đều có cái **dụng** của chúng nó. Cái dụng này rất tinh tế khó thấy (diệu) tuy nó hằng có, không bao giờ dứt (thường).

A. Dụng của cái Có

Cái có giả là hình tướng của vạn loại. Vạn loại vì có hình tướng nên luôn luôn biến chuyển theo luật nhân quả, nhân duyên, tuần hoàn theo chu kỳ “thành, trụ, hoại, không”, “sinh, trụ, di, diệt” hay “sinh, lão, bệnh, tử”.

Các biến chuyển ấy thay đổi tùy duyên (các điều kiện hiện hữu), nhưng luôn luôn là nhân nào quả nấy, đồng loại với nhau (gieo lúa, gặt lúa), và nhất định phải theo chu kỳ hướng về không, để lại tái diễn theo một chu kỳ khác như bánh xe quay giáp vòng rồi quay trở lại, nên gọi là “luân hồi”, và thời gian hiện hữu chỉ là tạm có, tuy cái tạm thời này có thể kéo dài từ 1 khắc đến một trung kiếp là 20 x 17 triệu năm.

Con người lấy hạn tuổi là 100 năm của mình để làm thước đo cái tạm ấy, nên mới thấy cái dài, ngắn, lâu mau đối đãi nhau.

Diệu dụng của cái “tạm có” đó là để biết cái “không thường” ở mỗi pháp, và cái “không” ở chung cuộc. Song người đời thường đắm say ngoại cảnh, nên hay quên cái “không” và cái “không thường” kia, mà chỉ nhớ đến cái “có” hiện tại, tuy cái hiện tại là giả hợp, biến động tùy duyên, không có tự tánh cố định.

Diệu dụng của cái giả-hợp vô thường cũng là hiển lộ cái tánh không thực có của vạn pháp: chớ cố theo đuổi các tướng hư huyền ấy mà rơi vào lầm lạc. Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: “Do trần phát tri, như căn hữu tướng, kiến tướng vô tánh đồng ư giao lộ. Thị cố nữ kim, tri kiến lập tri tức vô minh bổn”, nghĩa là: do cảnh trần mà phát ra cái biết; nhân các căn nơi thân mà có cái tướng: cái thấy biết và cái tướng kia đều không có tự tánh; chúng nó giống như hình bóng của cây lau gác vào nhau mà tạo ra.

Bởi vậy, ngày nay, nhà người, nếu lấy các điều thấy biết ấy để làm cái biết của mình thì đó là gốc mê mờ.

Như vậy, diệu dụng của cái “có, giả” là để cho ta biết có cái “không” ở chung cuộc, và biết có cái “không thường” không thực ở mỗi pháp. Chớ chạy theo cái giả, cái biến đổi, cái

⁴ Các công dụng vi diệu thường còn

tạm có đó mà khổ, mà lầm lạc, như Lý Bạch vì muốn bắt bóng trăng mà chế đuổi.

B. Dụng của cái Không

Cái Không là chỗ dụng rất cần thiết của cái Có.

Có cái không đất mới có lở, có bồi;

Có cái không nước mới chu lưu trong hoàn vũ;

Có cái không không khí mới luồng vào nuôi dưỡng sự sống và sự cháy.

Có cái không gió mới phát sinh và thổi về tứ hướng;

Có cái không thì mới hiện ra sáng, tối, và hiển tánh thấy;

Có cái không thì tính thấy và các tướng mới duyên nhau mà sinh ra các thức phân biệt;

Có cái không (tuy bị không khí tràn vào) thì chén, bát mới đựng được đồ ăn, nhà cửa mới có chỗ để nghỉ ngơi và làm việc.

Suy cho cùng, nếu không có cái không, chắc chắn sự sống sẽ bị ngưng trệ hẳn. Và vì đặc tính hay diệu dụng của cái **không** là không dính mắc với các pháp động, không làm chướng ngại tất cả các biến chuyển nên trong sự sống của loài người, thường ngày, người ta hay làm những công việc nhắm mục đích tạo ra nhiều khoảng-không, thuận lợi, như đào giếng, đào kênh, làm nhà, đóng thùng xe, đóng tàu, làm máy bay, vv...

Tuy trước mắt ai cũng nghĩ là mình làm ra những thứ đó, nhưng thực sự khi dùng, lại dùng những khoảng không của chúng.

Lâu ngày quên mất cái diệu dụng của cái **không**, con người chỉ nhớ đến cái **có** (giả), bỏ mất sự an nhiên, thanh thản của cái **không** (thực) vắng lặng, thanh tịnh.

Nhưng may thay cái không thường hoá giải được sự va chạm của cái **có**, nên khi đứng trước cái **không** rộng lặng, con người thường trở nên nhu mì, điềm tĩnh, và cảm thấy thương nhau hơn bao giờ hết.

Thí dụ 1. Anh em trong một nhà đang cãi nhau vì sự tranh đoạt gia tài. Bỗng đêm đến bọn cướp vào nhà, lấy hết của cải kho báu, giết chết hết vài người. Sáng lại, những anh em còn lại bèn ôm nhau khóc, và tìm cách an ủi, giúp đỡ nhau. Thí dụ 2. Khi làm cầu hay đặt đường sắt, người ta phải chừa một khoảng trống giữa hai nhịp cầu.



Aksobhya Buddha Mandala